

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông A Bruk.

2. Bà Mai Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quang Đô - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 373/2022/QĐST-DS ngày 20/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Hồng N, sinh năm 1990

Địa chỉ: 881 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

- Anh Trần Công M, sinh năm 1987

Địa chỉ: 57/8, Ngô Quyền, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2022, bản tự khai các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Lương Thị Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Công M tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 01 tháng 7 năm 2008 tại UBND phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường cho đến tháng 4 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh M ăn chơi, nợ nần, đánh đập vợ con nên chị N đã sống ly thân với anh M từ tháng 01/2021 cho đến nay và chị đã nộp đơn xin ly hôn nhiều lần nhưng

anh M vẫn không thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó về mặt tình cảm không còn yêu thương gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không còn nên chị yêu cầu Tòa án xét xử cho chị được ly hôn với anh M trước pháp luật.

- Về con chung: Có hai con là Trần Công Gia Bảo (nam) sinh ngày 17/12/2008 và Trần Ngọc Gia An (nữ) sinh ngày 15/7/2013 chị Lương Thị Hồng N xin nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh Trần Công M cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Công M trình bày: Không.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn trước khi mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải nhưng không chấp hành, nên được coi là đã từ bỏ một phần về quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 36 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn và yêu cầu chia con chung của chị Lương Thị Hồng N.

Về án phí: Chị Lương Thị Hồng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 01/4/2022 Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã thụ lý vụ án xin ly hôn của nguyên đơn là chị Lương Thị Hồng N. Xét thấy chị Lương Thị Hồng N và anh Trần Công M đều có nơi cư trú tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum do đó, yêu cầu ly hôn của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa Bị đơn đã triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Công M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Hồng N và anh Trần Công M tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 01/7/2008 tại UBND phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo đúng quy định của pháp

luật, không vi phạm điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào tài liệu nguyên đơn cung cấp và lời khai tại phiên tòa, HĐXX có cơ sở khẳng định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị N, anh M không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do anh M thiếu trách nhiệm với gia đình, không chăm lo làm ăn, ham chơi ngoài xã hội dẫn đến nợ nần. Về kinh tế của vợ chồng có tài sản gì làm ra thì cũng bán hết để trả nợ cho anh M dẫn đến cuộc sống mẹ con chị N rất khó khăn. Ngoài ra anh M còn ghen tuông vô cớ và đánh đập chị N nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 4/2018 cho đến tháng 01/2021 thì chị N đã sống ly thân với anh M nên về tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị N đã nhiều lần làm đơn ra Tòa xin ly hôn, sau đó lại rút đơn về đoàn tụ nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không được cải thiện nên chị tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử cho chị được ly hôn với anh M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã Thông báo thụ lý, Hòa giải, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh M đều không đến Tòa án làm việc và không có động thái gì để níu kéo hạnh phúc gia đình. Điều đó chứng tỏ anh M đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trước yêu cầu xin ly hôn của chị N trước Tòa án.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh M về mâu thuẫn của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của chị N tha thiết xin ly hôn với anh M là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Hồng N xử cho chị N được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Công Gia Bảo (nam) sinh ngày 17/12/2008 và Trần Ngọc Gia An (nữ) sinh ngày 15/7/2013 hiện đang được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục rất tốt, nguyện vọng của các cháu đều xin ở với mẹ. Vì vậy, HĐXX xét giao cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cả hai cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Lương Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của chị Lương Thị Hồng N đề ngày 30/3/2022.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lương Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Công M.

- **Về con chung:** Chị Lương Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Trần Công Gia Bảo (nam) sinh ngày 17/12/2008 và Trần Ngọc Gia An (nữ) sinh ngày 15/7/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Trần Công M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Công M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Chị Lương Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000723 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố KonTum.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá Nghiênn

